

Số: 10 /HD-ĐHV

Nghệ An, ngày 31 tháng 10 năm 2024

**HƯỚNG DẪN**  
**Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm 2024**  
**và xây dựng kế hoạch năm 2025**

Thực hiện Công văn số 1389/ĐHV-KHTC ngày 31/10/2024 về việc đánh giá thực hiện kế hoạch năm 2024 và xây dựng kế hoạch năm 2025, Nhà trường hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc đánh giá thực hiện kế hoạch năm 2024 và xây dựng kế hoạch năm 2025 như sau:

**I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024**

Căn cứ kế hoạch, nhiệm vụ, chỉ tiêu năm 2024 đã được phê duyệt theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 29/01/2024 của Hội đồng trường và Quyết định số 268/QĐ-ĐHV ngày 29/01/2024 của Hiệu trưởng, các đơn vị thống kê, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm 2024 và xây dựng kế hoạch năm 2025 trên các lĩnh vực công tác, đánh giá kết quả thực hiện và nêu rõ những thuận lợi, khó khăn, từ đó rút kinh nghiệm và các kiến nghị đề xuất với Nhà trường trên các lĩnh vực hoạt động. Cụ thể:

(Biểu phân I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024).

Đối với các mảng, các nội dung có kết quả thực hiện đạt hoặc vượt chỉ tiêu, đánh giá mặt mạnh, điểm thuận lợi để tiếp tục phát huy. Đối với các mảng, nội dung khác chưa đạt được, cần phân tích nguyên nhân, hạn chế để khắc phục.

**II. Xây dựng kế hoạch năm 2025**

**1. Danh mục mẫu biểu xây dựng Kế hoạch 2025**

Ký hiệu	Tên biểu	Đơn vị xây dựng		Đơn vị thẩm định
		Đơn vị đào tạo	Đơn vị hành chính	
<b>Phần 1</b>	<b>Biểu Đánh giá Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2024</b>			
KQ2024 Tuyển sinh	Kết quả tuyển sinh năm 2024	x		Các đơn vị quản lý đào tạo
KQ2024 Mở ngành đào tạo	Kết quả thực hiện Mở ngành đào tạo năm 2024	x		Các đơn vị quản lý đào tạo
KQ2024 ĐT BD	Kết quả đào tạo, bồi dưỡng năm 2024	x	x	Phòng TCCB
KQ2024 Công bố	Kết quả công bố năm 2024	x	x	Phòng KH&HTQT
KQ2024 Bồi dưỡng	Kết quả bồi dưỡng các chứng chỉ ngắn hạn năm 2024	x	x	Viện NC&ĐTTT và Phòng KH-TC
KQ2024 Thư viện	Kết quả bổ sung giáo trình thư viện 2024	x		Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào

Ký hiệu	Tên biểu	Đơn vị xây dựng		Đơn vị thẩm định
		Đơn vị đào tạo	Đơn vị hành chính	
KQ2024 Giáo trình	Kết quả thực hiện xuất bản giáo trình năm 2024	x		Nhà xuất bản
KQ2024 ĐBCL	Kết quả thực hiện kế hoạch tự đánh giá, đánh giá ngoài	x		Trung tâm ĐBCL
<b>Phần 2</b>	<b>Biểu xây dựng kế hoạch năm 2025</b>			
Biểu 1 Tổng hợp	Tổng hợp Quy mô đào tạo năm 2025 của đơn vị	x		Phòng CTCT-HSSV
Biểu 1a Chính quy	Kế hoạch về quy mô đào tạo đại học chính quy năm 2025	x		Phòng CTCT-HSSV
Biểu 1b Sau đại học	Kế hoạch về quy mô đào tạo hệ sau đại học năm 2025	x		Phòng CTCT-HSSV
Biểu 1c VLVH, TX	Kế hoạch về quy mô đào tạo hệ Vừa làm vừa học, đào tạo từ xa năm 2025	x		Phòng CTCT-HSSV
Biểu 1 Phổ thông	Quy mô đào tạo bậc phổ thông năm 2025	x		Phòng CTCT-HSSV
Biểu 2 Tổng hợp	Biểu tổng hợp kế hoạch giảng dạy toàn đơn vị năm 2025	x		
Biểu 2a ĐHCQ	Kế hoạch đào tạo, giảng dạy hệ đại học chính quy năm 2025	x		Phòng Đào tạo
Sheet "Hỗ trợ 2a)	Tài liệu đính kèm để lập số liệu biểu 2a			Phòng Đào tạo
Doanh thu ĐHCQ	Kế hoạch thu học phí ĐHCQ	x		Phòng Đào tạo, Phòng KH-TC
Biểu 2b Bậc sau đại học	Kế hoạch Đào tạo giảng dạy sau đại học năm 2025	x		Phòng ĐT SDH
Doanh thu Sau đại học	Kế hoạch thu học phí từ hệ SDH	x		Phòng ĐT SDH và Phòng KH-TC
KH2025 Biểu 2c Giảng dạy VLVH	Kế hoạch Đào tạo giảng dạy hệ vừa làm vừa học năm 2025	x		Trung tâm GDTX
Doanh thu VLVH	Kế hoạch thu học phí hệ VLVH	x		Trung tâm GDTX và Phòng KH-TC
KH2025 Biểu 2d Giảng dạy từ xa	Kế hoạch Đào tạo giảng dạy hệ vừa làm vừa học năm 2025	x		Trung tâm GDTX
Doanh thu Từ xa	Kế hoạch thu học phí hệ Từ xa	x		Viện NC&ĐTTT và Phòng KH-TC

Ký hiệu	Tên biểu	Đơn vị xây dựng		Đơn vị thẩm định
		Đơn vị đào tạo	Đơn vị hành chính	
Biểu 2c Bậc Phổ thông	Kế hoạch chi tiết về đào tạo, giảng dạy các bậc học phổ thông năm 2025	x		Phòng Đào tạo
Doanh thu hệ mầm non, phổ thông	Doanh thu đào tạo các bậc mầm non, phổ thông	x	x	Phòng KH-TC
Biểu 3 Giờ chuẩn	Kế hoạch giờ giảng dạy năm 2025	Các đơn vị đào tạo và các đơn vị hành chính có giảng viên		Phòng TCCB
Biểu 4	Kế hoạch kinh phí thực hành thí nghiệm năm 2025	x		Trung tâm TH-TN
Biểu 5a	Kế hoạch thực tập, thực tế theo học phần chương trình đào tạo năm 2025	x		Phòng Đào tạo
Biểu 5b	Các hoạt động khác phục vụ công tác đào tạo	x		Các đơn vị có liên quan và Phòng KH-TC
Biểu 6	Kế hoạch mua sắm, bổ sung giáo trình thư viện năm 2025	x		Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào
Biểu 7	Kế hoạch xuất bản giáo trình năm 2025	x		Nhà xuất bản
Biểu 8	Kế hoạch tự đánh giá, đánh giá ngoài năm 2025	x		Trung tâm ĐBCL
Biểu 9	Kế hoạch đóng, mở mã ngành năm 2025	x		Phòng Đào tạo Phòng ĐT SDH
Biểu 10a-d	Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ năm 2025	x	x	Phòng TCCB
Biểu 11a	Kế hoạch mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học năm 2025	x	x	Phòng QT&ĐT, Phòng KH-TC
Biểu 11b	Kế hoạch sửa chữa máy móc thiết bị, sửa chữa công trình và các hạng mục nhà cửa năm 2025	x	x	Phòng QT&ĐT, Phòng KH-TC
Biểu 11c	Kế hoạch giải phóng mặt bằng		Phòng QT&ĐT	Phòng QT&ĐT
Biểu 11d	Kế hoạch Đầu tư công		Phòng QT&ĐT	Phòng QT&ĐT

Ký hiệu	Tên biểu	Đơn vị xây dựng		Đơn vị thẩm định
		Đơn vị đào tạo	Đơn vị hành chính	
Biểu 12a	Kế hoạch kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ 2025	x	x	Phòng KH&HTQT
Biểu 12b	Thông kê hội thảo	x	x	Phòng KH&HTQT
Biểu 12c	Kế hoạch công bố khoa học năm 2024	x	x	Phòng KH&HTQT
Biểu 12d	Kế hoạch các dự án khởi nghiệp của người học	x		Phòng KH&HTQT
Biểu 12e	Kế hoạch về hợp tác quốc tế	x	x	Phòng KH&HTQT
Biểu 13	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ ngắn hạn và chuyển giao công nghệ 2025	x	x	Viện NC&ĐTTT và Phòng KH-TC
Biểu 14 LHS	Kế hoạch thu đào tạo Lưu học sinh	x		Phòng KH-TC
Biểu 14 Thu khác	Kế hoạch thu các nhiệm vụ chuyên môn và các hoạt động thu khác	x	x	Phòng KH-TC
Biểu 14 Ngân sách	Kế hoạch nguồn kinh phí ngân sách cấp	x	x	Phòng KH-TC
Biểu 14 Thu hộ	Kế hoạch các nguồn kinh phí có tính chất thu hộ, chi hộ	x	x	Phòng KH-TC
Biểu 14 Tổng hợp	Kế hoạch thu toàn đơn vị năm 2025	x	x	Phòng KH-TC
Biểu 15	Kế hoạch chi toàn đơn vị năm 2025	x	x	Phòng KH-TC
Biểu 16	Cân đối thu chi năm 2025	x	x	Phòng KH-TC
Biểu Tham khảo 1	Số liệu chi lương, phụ cấp, bảo hiểm, thu nhập tăng thêm			
Biểu Tham khảo 2	Kinh phí khoán đơn vị cấp 2			
Biểu Tham khảo 3	Kinh phí thanh toán vượt giờ chuẩn năm 2023			
Biểu Tham khảo 4	Khấu hao tài sản năm 2023			

## 2. Hướng dẫn chi tiết lập các chỉ tiêu vào các biểu

### 2.1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024

Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 đã được Hội đồng trường phê duyệt, các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện để đối sánh với số kế hoạch, từ đó đánh giá mặt thuận lợi, khó khăn, hạn chế và khắc phục.

## 2.2. Biểu 1. Quy mô đào tạo năm 2025 theo từng loại hình

Biểu 1 dành cho các đơn vị đào tạo lập quy mô cho từng loại hình hiện có trong đơn vị. Trong đó:

a. Quy mô đầu năm được tính dự kiến số lượng người học (có trạng thái đang học và bảo lưu) theo các hệ tương ứng vào ngày 01/01/2025.

Dựa trên số liệu người học toàn trường tính đến tháng 11 năm 2023 do Phòng CTCT-HSSV cung cấp, các đơn vị dự kiến quy mô số lượng người học tính đến đầu năm 2024, bao gồm các nhóm:

- Số lượng người học đang trong thời gian thiết kế chuẩn
- Số lượng người học đã quá thời gian thiết kế chuẩn nhưng vẫn đang trong thời gian đào tạo.

Trong đó số lượng người học đã quá thời gian thiết kế chuẩn nhưng vẫn đang còn trong thời gian đào tạo = Tổng số lượng người học đã quá thời gian thiết kế chuẩn nhưng vẫn đang còn trong thời gian đào tạo theo 5 nhóm nguyên nhân chi tiết.

*Lưu ý: Nếu 01 người học đã quá thời gian thiết kế chuẩn nhưng vẫn đang còn trong thời gian đào tạo tối đa chưa tốt nghiệp vì nhiều nguyên nhân thì xếp sinh viên đó vào nhóm nguyên nhân theo thứ tự đầu tiên nhất và không đưa vào số lượng các nguyên nhân nhóm sau. Cụ thể thứ tự các nhóm nguyên nhân:*

+ Nhóm 1: Chưa tích lũy đủ tín chỉ các học phần của ngành đào tạo hoặc điểm tích lũy chưa đạt  $\geq 2.0$

+ Nhóm 2: Chưa có chứng chỉ tiếng anh theo chuẩn đầu ra

+ Nhóm 3: Chưa hoàn thành các chứng chỉ giáo dục thể chất, chứng chỉ giáo dục quốc phòng

+ Nhóm 4: Chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính (học phí, giấy thi giấy nháp, và các khoản thu khác nếu có)

+ Nhóm 5: Bảo lưu vì các lý do cá nhân

- Số lượng người học đã hết thời gian đào tạo tối đa.

b. Số lượng người học tăng trong năm 2025:

Bao gồm số tuyển sinh mới trong năm 2025, số sinh viên chuyển đến trong năm 2025 (nếu có).

*Số tuyển sinh trong năm đối với sinh viên sư phạm: được lấy theo chỉ tiêu Bộ Giáo dục và Đào tạo giao (số liệu Phòng Đào tạo cung cấp hoặc cập nhật khi thẩm định).*

c. Số lượng người học giảm trong năm: bao gồm số lượng người học tốt nghiệp, xóa tên, kỷ luật buộc thôi học, thôi học, và chuyển trường đi nơi khác trong năm 2025 (nếu có).

d. Quy mô cuối năm được dự kiến số lượng người học có mặt vào ngày 31/12/2025. Quy mô cuối năm được tính theo công thức:

$$\text{Quy mô cuối năm 2025} = \text{Quy mô đầu năm 2025} + \text{Số tăng trong năm 2025} - \text{Số giảm trong năm 2025}$$

## 2.3. Về kế hoạch đào tạo, giảng dạy

a. Biểu 2a - Đối với hệ đào tạo chính quy, hướng các đơn vị xây dựng như sau:

**Phần 1. Tính số tín chỉ sinh viên đăng ký (số lượt tín chỉ sinh viên dự kiến đảm nhiệm)**

+ Bước 1. Từ Sheet "**Hỗ trợ Biểu 2a XD KH 2025\_CQ**" chọn cột P "**Đơn vị phụ trách ngành**" đơn vị cần lập kế hoạch (Nếu là đơn vị cấp 3 thì chọn thêm cột Q "**Ngành đào tạo**" tích chọn các ngành mà đơn vị quản lý), chọn "**Phân kỳ**" sau đó

kiểm tra, rà soát lại dữ liệu sinh viên, học phần... Số lượt tín chỉ sinh viên đảm nhận sẽ tự động tính theo công thức.

*Lưu ý:* Số lượng sinh viên đang học tại trường đã tự động cập nhật theo ngành học, theo học phần; Tuy nhiên đối với khóa mới (khóa 66) chưa tuyển sinh trên file dữ liệu hiện tại đang tham khảo theo số sinh viên khóa 65 đề nghị các đơn vị điều chỉnh theo dự kiến của đơn vị hoặc dựa vào căn cứ khác để điều chỉnh; Đối với các học phần tự chọn, chuyên ngành hẹp thì đơn vị lập kế hoạch cần cân đối, phân bố lại số lượng sinh viên theo một hoặc một số học phần (phần còn tô màu trong dữ liệu); có thể thêm học phần trong file dữ liệu và điền các thông tin tương ứng.

+ Bước 2. Copy dữ liệu (vùng dữ liệu mà từ cột U đến cột AH) và paste theo giá trị vào bảng 2a (**bảng A**) của Kế hoạch.

+ Bước 3. Tổng hợp số liệu tổng số tín chỉ đảm nhận theo **khối ngành, theo học kỳ** của đơn vị để phục vụ số liệu bảng tổng hợp.

### **Phần 2. Tính số tiết giảng dạy quy chuẩn**

+ Bước 1: Tiếp theo từ Sheet "**Hỗ trợ Biểu 2a XD KH 2025\_CQ**" chọn cột O "**Đơn vị phụ trách giảng dạy**" của đơn vị cần lập kế hoạch, chọn cột N "**Phân kỳ**" giảng dạy sau đó điền thông tin "Số lớp dự kiến mở vào cột lớp lý thuyết (nếu có), lớp thực hành (nếu có); lớp HP dự án (nếu có)"; tiếp theo kiểm tra "Số lượng sinh viên" điều chỉnh nếu có thay đổi; cuối cùng điều chỉnh "Hệ số lớp đông/ít (nếu có)" nếu hệ số lớp khác 1. Số giờ giảng dạy quy chuẩn sẽ tự động tính theo công thức.

*Lưu ý:*

+ Với các học phần thực tập, thực tế, rèn nghề không giảng dạy, không tính giờ chuẩn thì cần sửa cột giờ giảng dạy quy chuẩn thành 0; Với học phần được kê khai giờ chuẩn thì trực tiếp tính theo Quy chế chi tiêu nội bộ 2024.

+ Đối với các học phần có nhiều ngành, nhiều khóa tham gia học thì đơn vị giảng dạy chỉ cần điền số lớp dự kiến (cho tổng toàn bộ số sinh viên) và phân công giảng dạy cho học phần đầu tiên các học phần cuối không điền số dữ liệu.

+ Hệ số lớp đông/ít (nếu có) áp dụng theo quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể: Lớp dưới 10 sinh viên thì hệ số lớp ít bằng số sinh viên chia 10; đối với lớp đông thì hệ số lớp đông theo trang 133 Quy chế chi tiêu nội bộ 2024.

+ Bước 2: Sau khi điền đủ thông tin các học phần dự kiến giảng dạy trong từng học kỳ thì kiểm tra, rà soát lại dữ liệu, nếu đã đúng thì copy dữ liệu (vùng dữ liệu mà từ cột U đến cột AD) theo học kỳ ở sheet "**Hỗ trợ Biểu 2a XD KH 2025\_CQ**" và paste theo giá trị vào bảng 2a (**bảng B**) của Kế hoạch năm học.

+ Bước 3: Tổng hợp số liệu: Tổng số giờ giảng dạy quy chuẩn theo học kỳ, theo đơn vị trong kế hoạch đăng ký thực hiện.

b. Biểu 2b Đối với đào tạo cao học, tiến sĩ, hướng các đơn vị xây dựng như sau:

Đối với kế hoạch giảng dạy các chuyên đề cao học, chuyên đề và học phần NCS, hướng dẫn luận văn, hướng dẫn thực hành và thực hiện đề án tốt nghiệp cao học, luận án nghiên cứu sinh, yêu cầu các chuyên ngành lập kế hoạch chi tiết đến từng giảng viên đảm nhận các chuyên đề, tham gia hướng dẫn luận văn, đề án, luận án tương ứng với số lượng học viên cao học, nghiên cứu sinh. Điền số liệu tương ứng vào Biểu 2b\_Sau đại học đã thiết lập công thức để có tổng hợp số lượt tín chỉ và số tiết giảng dạy quy chuẩn.

c. Đối với đào tạo hệ Vừa làm vừa học và đào tạo từ xa:

Các đơn vị lập các thông tin về số học phần giảng dạy theo hai đợt 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm. Tính tổng số giờ giảng dạy quy chuẩn kế hoạch đăng ký thực hiện.

#### *2.4. Biểu 3 về định mức giờ giảng dạy*

Xây dựng kế hoạch công tác Tổ chức Cán bộ cho đơn vị, tổ bộ môn gồm cả kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ chi tiết cho từng ngành. Các đơn vị, khoa, bộ môn cân đối khối lượng công việc, kế hoạch đào tạo và kế hoạch tuyển sinh những năm sắp tới của các ngành đào tạo thuộc khoa với đội ngũ cán bộ, giảng viên hiện có (gồm cả số đang đi học dự kiến trở về) để đề xuất phương án có tính dài hạn ít nhất 5 năm.

#### 2.5. Biểu 4 về Kế hoạch kinh phí thực hành thí nghiệm

Các đơn vị đào tạo có nhu cầu thực hành, thí nghiệm phục vụ các môn học, căn cứ văn bản quy định về định mức kinh tế kỹ thuật thực hành thí nghiệm để xây dựng kế hoạch kinh phí.

Các nội dung liên quan đến định mức kinh tế kỹ thuật vật tư thực hành thí nghiệm: Trung tâm thực hành thí nghiệm cung cấp.

#### 2.6. Biểu 5 về kế hoạch thực tập, thực tế

Biểu 5a dành cho các đơn vị xây dựng kế hoạch về kinh phí để triển khai các hoạt động thực tập, thực tế (theo học phần đào tạo thuộc chương trình đào tạo) cho người học (*Không bao gồm các hoạt động đã được Trường cấp kinh phí khoán*) cho các học phần: Thực tập tốt nghiệp, thực tập cuối khóa, học phần rèn nghề, học phần thực tế... đề nghị nhà trường cấp kinh phí để tổ chức thực hiện cụ thể:

+ Tại cột (1) Mục 1, 2, 3... ghi rõ tên học phần, mã học phần và số tín chỉ thực tập/rèn nghề/... ;

+ Tại cột (1) Các mục a thì tra cứu hệ số học phí và số sinh để tính tổng thu phần thực tập/ thực tế/ thực hành/ rèn nghề của của học phần, sau đó ghi tổng thu vào cột (5);

#### Biểu 5b Kế hoạch về cá hoạt động khác phục vụ đào tạo

Ngoài các hoạt động thực tập, thực tế theo học phần thuộc chương trình đào tạo, các hoạt động khác phục vụ công tác đào tạo nếu có kế hoạch do Nhà trường triển khai đồng bộ thuộc quy mô, phạm vi cấp Trường, các đơn vị xây dựng nhu cầu kinh phí vào biểu 5b.

#### 2.7. Biểu 6 về kế hoạch mua sắm, bổ sung giáo trình thư viện

Trung tâm thông tin thư viện Nguyễn Thúc Hào, các đơn vị đào tạo chủ động rà soát hệ thống giáo trình tài liệu, tài liệu số hiện có và đối chiếu với chương trình đào tạo để xây dựng danh mục bổ sung giáo trình tham khảo còn thiếu.

Các đơn vị đào tạo xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung giáo trình theo chương trình đào tạo của đơn vị.

Trung tâm thư viện Nguyễn Thúc hào xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung giáo trình, tài liệu số theo nhu cầu của Trường.

#### 2.8. Biểu 7 về kế hoạch xuất bản giáo trình

Trên cơ sở bài giảng, bản thảo giáo trình đã có (lưu hành nội bộ) và khả năng hoàn thành bản thảo trước ngày 30/06/2025, các giảng viên đăng ký kế hoạch xuất bản giáo trình năm 2025 qua đơn vị đào tạo cấp 3 (Khoa/Bộ môn phụ trách học phần). Đơn vị đào tạo cấp 2 xem xét tính cấp thiết và khả năng hoàn thành xuất bản để thông qua trước khi đề nghị Nhà trường thẩm định, phê duyệt.

Lưu ý: Tiêu chuẩn chủ biên, tác giả, thể thức và quy trình xuất bản giáo trình thực hiện theo Quy định được ban hành tại Quyết định số 533/QĐ-ĐHV của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. Ngoài ra những người còn nợ giáo trình (đã được phê duyệt nhưng chưa xuất bản) thì không đăng ký xuất bản năm 2025.

#### 2.9. Biểu 8 về kế hoạch tự đánh giá, đánh giá ngoài

Căn cứ Kế hoạch số 41/KH-ĐHV ngày 22/4/2022 về tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo đại học, sau đại học của Trường Đại học Vinh giai đoạn

2022 - 2025, các đơn vị thực hiện rà soát điều kiện đảm bảo chất lượng CTĐT và đề xuất kế hoạch tự đánh giá, đánh giá ngoài CTĐT của đơn vị năm 2025.

*2.10. Biểu 9 về kế hoạch đóng, mở mã ngành đào tạo*

Căn cứ vào thực tiễn bối cảnh nghề nghiệp, hiệu quả công tác tuyển sinh trong 5 năm trở lại đây và định hướng phát triển các nhóm ngành, lĩnh vực đào tạo của đơn vị để đề xuất mở ngành mới hoặc đóng/dừng tuyển sinh ngành hiện tại.

*2.11. Biểu 10 về Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ*

Đối với nhu cầu tuyển dụng, bổ sung người làm việc: Các đơn vị căn cứ đề án vị trí việc làm của đơn vị, căn cứ quy mô và cơ cấu đội ngũ hiện tại và nhu cầu, định hướng phát triển trong năm 2025 và những năm tiếp theo để xây dựng kế hoạch chi tiết theo mẫu biểu tương ứng.

Các kế hoạch về nghỉ hưu, tinh giản biên chế, kéo dài thời gian công tác: Đơn vị ghi đầy đủ thông tin của viên chức và người lao động được nghỉ hưu theo quy định, đề xuất kéo dài thời gian công tác hoặc dự kiến đưa vào diện tinh giản biên chế trong năm 2025 của đơn vị. Ngoài ra, đơn vị thống kê nhu cầu của viên chức và người lao động về nghỉ phép, nghỉ không lương, thai sản trong năm 2025 để Nhà trường tổng hợp, thực hiện công tác chế độ chính sách và quản lý viên chức theo quy định.

Các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng, thay đổi chức danh nghề nghiệp: Đơn vị xây dựng kế hoạch chi tiết về đào tạo sau đại học, lý luận chính trị, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp, ngoại ngữ, tin học, chuyên môn nghiệp vụ, tham gia hội nghị, hội thảo... đối với từng viên chức và người lao động của đơn vị trong năm 2025. Các đơn vị lưu ý ưu tiên việc đề xuất các nội dung đào tạo, bồi dưỡng nhằm phục vụ công tác chuyên môn theo định hướng, kế hoạch phát triển của đơn vị (dạy học dự án; nghiệp vụ chuyên ngành; cập nhật kiến thức, quy định mới...).

Về kế hoạch bổ nhiệm chức danh GS, PGS, thay đổi chức danh nghề nghiệp: Đơn vị rà soát lại các điều kiện đảm bảo chất lượng về đội ngũ giảng viên đối với từng chương trình đào tạo hiện có và dự kiến mở mới (quy định số lượng GS, PGS đối với ngành đào tạo sau đại học, số lượng tiến sĩ đối với ngành đào tạo đại học), nhu cầu thay đổi chức danh nghề nghiệp của viên chức (chuyển ngạch, thăng hạng viên chức) để đăng ký kế hoạch năm 2025.

*2.12. Biểu 11 về Kế hoạch mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo, giảng dạy và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn.*

Các đơn vị đào tạo rà soát chương trình đào tạo để xây dựng danh mục máy móc thiết bị cần thiết để phục vụ công tác giảng dạy để đề xuất vào kế hoạch.

Các đơn vị hành chính rà soát công việc để đề xuất thay thế, bổ sung các thiết bị, máy móc phục vụ công tác bị hư hỏng.

Phòng Quản trị và Đầu tư chịu trách nhiệm rà soát toàn bộ cơ sở vật chất của trường để đề xuất danh mục thiết bị cần bổ sung phục vụ đào tạo và danh mục nhà cửa, thiết bị cần sửa chữa, thay thế.

*2.13. Biểu 12 về Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ khoa học, hội thảo, công bố khoa học, kế hoạch về các dự án khởi nghiệp của người học và kế hoạch hợp tác quốc tế*

Các đơn vị căn cứ Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025 (theo Quyết định số 766/QĐ-ĐHV, ngày 31/8/2028 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh) và Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2021-20230, tầm nhìn 2045 (điều chỉnh năm 2021) và Quyết định số 2623/QĐ-ĐHV ngày 14/10/2024 về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh để xây dựng.

*2.14. Biểu 13 về Kế hoạch thu đào tạo bồi dưỡng*

Các đơn vị có các hoạt động bồi dưỡng thống kê kế hoạch tổ chức lớp, hoặc kế hoạch ký kết các hợp đồng với các tổ chức khác để lập kế hoạch thu bồi dưỡng theo đơn vị mình.

#### 2.15. Biểu 14 về Kế hoạch thu các loại

Các đơn vị link số liệu thu từ các biểu tính thu trước đó thuộc lĩnh vực đơn vị mình quản lý.

Liệt kê, bổ sung các nội dung thu khác theo hướng dẫn tại mẫu.

Các nội dung thu chưa được liệt kê trong mẫu cần bổ sung thêm chi tiết theo từng nội dung hoạt động cụ thể.

#### 2.16. Biểu 15 về Kế hoạch chi

Các đơn vị link số liệu các nội dung chi chuyên môn thuộc đơn vị mình phụ trách từ các biểu trước đó vào biểu này.

Đồng thời bổ sung các nhiệm vụ chi khác theo mẫu hướng dẫn, những nội dung chi phát sinh tại đơn vị nhưng chưa được liệt kê trong mẫu thì đề nghị liệt kê cụ thể.

#### 2.17. Biểu 16 về Cân đối thu chi

### 3. Hướng dẫn chung trong việc xây dựng kế hoạch

- Đơn vị tính của đơn giá, thành tiền trong kế hoạch: ĐỒNG.

- Số liệu về các nội dung:

+ Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, thu nhập tăng thêm;

+ Tiền vượt giờ giảng dạy;

+ Kinh phí khoán đơn vị cấp 2;

+ Khấu hao tài sản

Phòng Kế hoạch - Tài chính cung cấp tại các sheet có tên "Tham khảo" để các đơn vị tham khảo và lập số liệu.

Hình thức nhập dữ liệu kế hoạch: Để việc nhập liệu và công tác thẩm định kế hoạch được thực hiện trên cùng một nguồn dữ liệu, các đơn vị nhập trực tiếp số liệu vào mẫu biểu trên Link Google Drive do Phòng Kế hoạch - Tài chính cung cấp.

### 4. Lưu ý khi triển khai

Trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị các đơn vị đọc kỹ bản hướng dẫn, nếu có gì vướng mắc, kịp thời phản ánh về Phòng Kế hoạch - Tài chính để được giải đáp, hỗ trợ.

Nhà trường yêu cầu Trưởng các đơn vị khẩn trương chỉ đạo triển khai thực hiện. Phòng Kế hoạch - Tài chính thường xuyên báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện với Ban Giám hiệu Nhà trường./.

#### Nơi nhận:

- Các đơn vị trong Trường;

- Đảng ủy, HĐT, BGH;

- Lưu: HCTH, KH-TC.


  
**GS.TS. Nguyễn Huy Bằng**